

ĐỔI MỚI MÔ HÌNH KHU CÔNG NGHIỆP NHÌN TỪ TIẾP CẬN LÝ THUYẾT CỤM

ThS. Vũ Thị Cẩm Thanh

Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn

Tóm tắt:

Bất cứ một nước nào có tham vọng phát triển kinh tế cũng đều phải trải qua thời kỳ công nghiệp hóa, và phương thức cốt yếu cho các nền kinh tế khác nhau là hình thành các vùng công nghiệp tập trung mà ta gọi là các khu công nghiệp (KCN). Việt Nam đang trong giai đoạn “nở rộ” của các KCN. Tuy nhiên, việc xây dựng và phát triển các KCN còn tồn tại nhiều vấn đề khiến chúng ta phải đau đầu, đặc biệt là vấn đề về mô hình KCN - mô hình hiện tại tỏ ra thiếu tính liên kết, thiếu tính khoa học, thiếu hiệu quả kinh tế và gây khó khăn cho công tác bảo vệ môi trường. Liệu vận dụng lý thuyết Cụm nhằm tăng quy hoạch các ngành có liên quan có là một giải pháp phù hợp cho vấn đề đổi mới các KCN hiện nay của Việt Nam?

Từ khóa: Mô hình khu công nghiệp, Cụm công nghiệp.

1. Mở đầu

Điều 2, Nghị định số 29/2008/NĐ-CP của Chính phủ ra ngày 14/3/2008 quy định về KCN, khu chế xuất và khu kinh tế đã định nghĩa “KCN là khu chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục áp dụng đối với KCN quy định tại Nghị định này”. Các KCN thể hiện sự quy tụ của các công ty, doanh nghiệp vào những khu vực đã được chính phủ quy hoạch sẵn để phục vụ cho công cuộc phát triển công nghiệp nào đó nhằm đảm bảo sự hài hòa và cân bằng tương đối giữa các mục tiêu kinh tế - xã hội - môi trường.

Các KCN mọc lên nhờ lợi thế từ sự gia tăng của sự tập trung kinh tế, cơ cấu hạ tầng địa phương thuận lợi, hệ thống trao đổi có sẵn, sự đầu tư có tổ chức của chính phủ, chi phí giao dịch và thông tin giảm. Tuy nhiên các mô hình KCN không phải là bất biến, mà nó cần luôn được hoàn thiện và bổ sung để theo kịp với những thay đổi của xã hội và khoa học công nghệ. Ngày nay các quốc gia đang khuyến khích sự tập trung mạnh mẽ hơn nữa, bởi việc tập trung như vậy đem lại lợi thế cạnh tranh lớn trên thị trường quốc tế.

Lý thuyết Cụm - cụm công nghiệp (CCN) - rất được các nhà nghiên cứu Châu Âu và các nước phát triển quan tâm trong gần ba thập kỷ trở lại đây. Các CCN là một xu thế hiện đại trong kế hoạch phát triển kinh tế. Các Cụm

là sự chuyên đổi các chương trình phát triển kinh tế từ việc tập trung vào các chính sách định hướng cho từng công ty riêng lẻ sang gắn kết các hãng và các ngành công nghiệp có quan hệ lẫn nhau cả trực tiếp lẫn gián tiếp. Xét trong bối cảnh sự chênh lệch giữa kinh tế các vùng ngày càng sâu và rộng hơn, những cụm như vậy theo vùng thích hợp sẽ là động lực quan trọng nhằm thay đổi cấu trúc và hội tụ những lợi thế trong vùng.

2. Khái quát về lý thuyết Cụm

2.1. Định nghĩa và đặc điểm của Cụm

Theo định nghĩa của bách khoa toàn thư điện tử Wikipedia: *Cụm có nghĩa là một nhóm nhỏ, một tập hợp những vật cùng loại, có liên quan đến nhau.*

Thuật ngữ *Cụm*, còn được gọi là *Cụm doanh nghiệp (business cluster)*, *cụm cạnh tranh (competitive cluster)* lần đầu tiên được Michael Porter đưa ra trong cuốn *The Competitive Advantage of Nations (Lợi thế cạnh tranh của các quốc gia)* vào năm 1990. Michael Porter quan tâm đến CCN như là một hệ thống các ngành công nghiệp có liên quan đến nhau thông qua các mối quan hệ: người mua - người cung cấp và người cung cấp - người mua, hoặc thông qua công nghệ chung, những kênh mua hoặc phân phối chung, hoặc những khối thị trường lao động chung. Sau này, F. Sforzi cho rằng các CCN là sự tập trung của các hãng có liên quan trong những quy trình sản xuất tương tác lẫn nhau, thường trong cùng một ngành công nghiệp hoặc một nhánh ngành, và được đặt tại một địa phương và có phân định ranh giới rõ ràng, cách biệt với khu dân cư sinh sống [8, tr.75-107]. Ngoài ra, các tác giả khác như M.J Enright (*Why Local Clusters are the Way to Win the Game, 1992*), P. Doeringer và D. Terkla (*Why do Industries Cluster?, 1995*) cũng đưa ra những định nghĩa khác nhau. Nhưng nhìn chung, các tác giả đều hình dung về mô hình Cụm như sau:

Thứ nhất, về phạm vi địa lý và tầm quan trọng của sự gắn gũi về không gian, cụm là một chỉnh thể kinh tế - xã hội nằm trên một khu vực địa lý, trong đó có một cộng đồng dân cư và các tổ chức kinh tế có sự liên kết với nhau về sản xuất, kinh doanh công nghiệp. Do đặc thù của từng cụm mà mỗi cụm có những đòi hỏi về địa lý khác nhau, tùy thuộc vào loại hình ngành nghề công nghiệp mà nó phát triển. Do đó, nơi có thể xây dựng các cụm là nơi: (1) Đủ các nguồn lực, năng lực và đạt được ngưỡng yêu cầu nào đó, (2) Có vị trí lợi thế cho hoạt động của một ngành kinh tế đã định, và (3) Có lợi thế cạnh tranh bền vững mang tính quyết định so với các khu vực khác, hay thậm chí là so với thế giới trong lĩnh vực đó.

Thứ hai, các mối quan hệ tương tác và mối quan hệ chức năng giữa các hãng và các ngành công nghiệp đã tạo ra các Cụm. Cụm thể hiện sự tập

trung về địa lý của các ngành có liên quan theo hai mặt: liên quan theo chiều dọc - quan hệ phân phối, giữa những nhà sản xuất, và các nhà cung ứng, các dịch vụ; và liên quan theo chiều ngang - quan hệ trong cùng một ngành, dựa trên một điểm tương đồng nào đó dẫn đến việc có thể sử dụng chung một hệ thống cơ sở hạ tầng như có thể cùng chia sẻ thị trường chung cho các sản phẩm cuối cùng, sử dụng cùng công nghệ hoặc kỹ thuật lao động, hoặc đòi hỏi những nguồn tài nguyên thiên nhiên giống nhau.

Thứ ba, cộng đồng dân cư và các tổ chức kinh tế trong Cụm hướng mọi hoạt động trong sự liên kết của mình để giành *lợi thế cạnh tranh*, nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao trong sản xuất kinh doanh. Các tác nhân cơ bản thúc đẩy sự hình thành và phát triển của các cụm bao gồm chuyển giao công nghệ, chuyển giao tri thức, sự phát triển của lực lượng lao động có tay nghề trong các ngành công nghiệp có liên quan, những lợi thế của công nghiệp tập trung, và hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội.

2.2. Cơ sở vận dụng lý thuyết cụm vào mô hình khu công nghiệp

Mô hình KCN đã được phát triển từ khá lâu tại các nước phương Tây, và bắt đầu được ghi nhận tại Việt Nam kể từ khi Chính phủ ra quyết định thành lập khu chế xuất Tân Thuận ngày 25/01/1991. Tuy nhiên sự hình thành và phát triển của KCN cũng là một quá trình, trong đó các loại hình của KCN không ngừng phát triển thay thế và chuyển hóa.

Trong quá trình hình thành các mô hình kinh tế công nghiệp tập trung, thì mô hình KCN có tuổi đời nhiều hơn so với các CCN khoảng hơn 20 năm, nếu coi như CCN lần đầu được biết đến vào năm 1990 khi Michael Porter xuất bản cuốn *The Competitive Advantage of Nations*. Theo lý thuyết thông thường, những thành tựu về sau luôn có sự kế thừa những kinh nghiệm có sẵn, và tỏ ra ưu việt hơn so với những công trình đi trước. Do đó các CCN được đảm bảo về nền tảng lý luận xây dựng, có luận cứ khoa học xác định về khái niệm, vai trò, nguyên tắc hoạt động của loại hình này.

Cụm là mô hình tập trung địa lý đang được quan tâm nhất hiện nay trên thế giới. Các nhà hoạch định chính sách tin rằng các CCN sẽ đem lại giải pháp phân bổ một cách hiệu quả các nguồn lực, thu hút sự tham gia vào các ngành công nghiệp trọng điểm, và khuyến khích sự đa dạng hóa nền công nghiệp có hạn để phát triển kinh tế vùng. Khi một CCN được hình thành, các nhà hoạch định sẽ tính đến tất cả những nhu cầu cần thiết phục vụ cho ngành công nghiệp được phát triển trong cụm đó, đồng thời tính đến những thế mạnh của vùng có thể hỗ trợ tốt cho các doanh nghiệp. Trong quá trình này, những lỗ hổng trong toàn bộ quá trình sản xuất sẽ lộ rõ. Và các nhà hoạch định sẽ phải tìm cách để xử lý những lỗ hổng đó, đảm bảo hoạt động của quá trình sản xuất. Với các chính sách CCN, người ta tin rằng có thể

kích thích sự cạnh tranh đem lại sự tăng trưởng kinh tế; đa dạng hóa nền kinh tế địa phương bằng cách phát triển những mạng lưới các nhà cung cấp và các dịch vụ hỗ trợ có liên quan cần thiết để phục vụ cho các công ty “lỗi” trong các CCN. Hơn nữa, các CCN gồm một số ngành có liên quan có thể dễ dàng thích ứng với thay đổi hơn, và có thể chống chịu tốt hơn với những khủng hoảng theo quy luật kinh tế.

Sự khác biệt cơ bản giữa KCN và CCN theo lý thuyết của các nhà nghiên cứu trên thế giới đó là: Các CCN nhấn mạnh ở đặc điểm nó bao gồm các hãng hoặc các ngành công nghiệp có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp, theo chiều dọc hoặc theo chiều ngang; còn các KCN theo quy định của Việt Nam chỉ đơn thuần là “*khu tập trung các doanh nghiệp KCN chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp*” được Chính phủ phê duyệt theo quy hoạch [1, Điều 2]. Chỉ một điểm khác biệt như vậy cũng đã khiến cho bản chất của CCN và KCN khác nhau hoàn toàn. Bởi tính đến “các hãng và các ngành công nghiệp có liên quan” có thể đem lại những hiệu quả khác biệt:

- Rút ngắn khoảng cách trong chuỗi cung cấp trong quá trình sản xuất. Ví dụ CCN may mặc bao gồm công ty may mặc, công ty cung cấp vải, công ty nhuộm, công ty giặt,... Tất cả các cơ sở có liên quan đến may mặc được tập trung trong một cụm, quá trình vận chuyển và buôn bán sản phẩm thuận tiện, nhanh chóng, và tiết kiệm chi phí hơn rất nhiều;
- Các ngành tương tự nhau có thể sử dụng chung cơ sở hạ tầng, nhân công, nguồn nguyên liệu. Ví dụ như sử dụng chung các phòng nghiên cứu với các dụng cụ chuyên dụng, hoặc thay vì ba nhà máy luyện thép ở ba KCN khác nhau trong cùng một địa phương, ta có thể đưa ba nhà máy đó vào cùng một KCN;
- Việc xử lý rác cho các ngành công nghiệp tương tự nhau dễ dàng hơn bởi xử lý rác cùng loại thay vì xử lý rác đa ngành;
- Một khu kinh tế tập trung là một hệ thống, các nhà máy, xí nghiệp hoạt động trong đó là các phân tử. Do đó không nên duy trì tình trạng các phân tử đó hoạt động độc lập, riêng lẻ với nhau, mà ngược lại nên thiết lập mối quan hệ, để các phân tử trong một khu kinh tế có sự gắn kết với nhau, tận dụng những lợi thế của sự gần gũi về mặt địa lý. Đồng thời một hệ thống có các phân tử có mối quan hệ chặt chẽ sẽ phát triển bền vững hơn.

3. Giải pháp đổi mới mô hình khu công nghiệp trên cơ sở lý thuyết Cụm

3.1. Phân loại và đặc điểm của mô hình khu công nghiệp hiện tại

KCN là cấu trúc kinh tế khá phức tạp, để tìm hiểu mô hình định hướng phát triển các KCN, trước hết cần phải phân loại các KCN để có sự nhận diện về những loại KCN cụ thể. Tùy thuộc vào mục đích nghiên cứu KCN, người ta có các tiếp cận phân loại khác nhau:

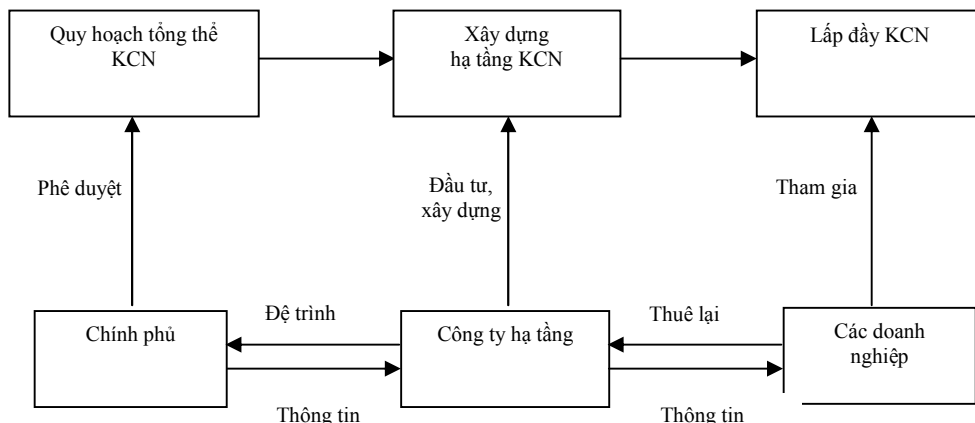
- Dựa vào tính chất ngành nghề chia thành: KCN chuyên ngành, KCN đa ngành, KCN sinh thái;
- Căn cứ vào qui mô: KCN chia thành KCN qui mô lớn, KCN qui mô vừa và KCN qui mô nhỏ;
- Dựa vào đặc thù của từng đối tượng quản lý KCN lại được phân thành: KCN tập trung, KCN chế xuất, KCN công nghệ cao.

Dù phân loại KCN dựa trên các tiêu thức khác nhau, song tựu chung lại ở Việt Nam hiện nay có các loại KCN sau [3]:

- *Loại thứ nhất là:* Các KCN được thành lập trên cơ sở các xí nghiệp công nghiệp hiện có thông qua cải tạo, hoàn thiện kết cấu hạ tầng và bảo vệ môi trường như KCN Gang Thép (Thái Nguyên), KCN Việt Trì (Phú Thọ);
- *Loại thứ hai là:* Các KCN hình thành do giải tỏa và tập hợp các xí nghiệp công nghiệp đơn lẻ, kỹ thuật lạc hậu để chỉnh trang lại đô thị và chống ô nhiễm môi trường như KCN Hòa Xá (Nam Định), KCN Nguyễn Đức Cảnh (Thái Bình);
- *Loại thứ ba là:* Các KCN (cụm công nghiệp) hình thành để thu hút vốn các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ thuộc các ngành công nghiệp chế biến nông sản, sản xuất hàng tiêu dùng hoặc phát triển làng nghề truyền thống như CCN làng nghề Tịnh Ấn (Quảng Ngãi), CCN Quán Gỏi (Hải Dương);
- *Loại thứ tư là:* Các KCN có quy mô lớn, tập trung, hiện đại do Chính phủ chủ trương thành lập nhằm hình thành hệ thống các khu công nghiệp chủ đạo có vai trò dẫn dắt sự phát triển công nghiệp quốc gia như Khu Công nghệ cao Hòa Lạc (Hà Nội), Khu Kinh tế Dung Quất (Quảng Ngãi), Khu Công nghiệp Nomura (Hải Phòng).

Từ sự phân loại những mô hình KCN đang tồn tại ở Việt Nam, ta có thể thấy quá trình hình thành và phát triển các KCN ở Việt Nam vẫn đang trong thời kỳ vừa phát triển vừa hoàn thiện; một số còn mang tính tự phát, thiếu sự tính toán quy hoạch đồng bộ, và chưa phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội. Việt Nam còn thiếu các KCN quy mô lớn, cũng như các KCN chuyên ngành hay các KCN sinh thái. Các KCN Việt Nam đa phần là các KCN đa ngành - với tất cả các loại hình công nghiệp có thể phát triển tại một địa phương nhất định. Tuy nhiên các KCN đa ngành này chỉ quan tâm

đến sự tập trung công nghiệp về mặt địa lý, chứ không quan tâm đến yếu tố “có liên quan” giữa các ngành nghề; điều này nhiều khi biến các KCN trở thành một mớ hồ lộn các ngành công nghiệp, thiếu sự liên kết hiệu quả giữa các ngành, làm giảm hiệu quả kinh tế và tăng chi phí xử lý môi trường. Nguyên nhân phần nào xuất phát từ thực trạng về quy trình và các mối quan hệ trong quá trình xây dựng các KCN.



Sơ đồ: Quy trình và các mối quan hệ trong quá trình xây dựng KCN

Khi muốn thành lập một KCN, thì phải xem xét KCN đó có nằm trong Quy hoạch tổng thể hay không, để từ đó có kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng. Căn cứ vào Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cùng với Quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì và phối hợp cùng với các Sở, ban, ngành có liên quan xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển KCN, khu kinh tế của Tỉnh và trình lên Thủ tướng phê duyệt.

Trên những diện tích đất đã được tính toán dùng để sử dụng xây dựng các KCN, doanh nghiệp Việt Nam thuộc các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư nước ngoài dưới hình thức liên doanh với doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào đầu tư, xây dựng và kinh doanh các công trình kết cấu hạ tầng KCN (sau sẽ được gọi là Công ty phát triển hạ tầng KCN). Tùy theo quy mô và tính chất, một KCN có thể có một hoặc nhiều Công ty phát triển hạ tầng KCN.

Các Công ty phát triển hạ tầng này sẽ đứng ra thuê mặt bằng KCN đã được quy hoạch của tỉnh, xây dựng cơ sở hạ tầng, đường xá, san nền, hệ thống cống rãnh, điện nước cho KCN. Nhưng trước hết các công ty này phải làm một đề án thuyết minh để thông qua Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình lên Thủ

tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc thành lập KCN, làm rõ các vấn đề sau:

1. Có hoặc chưa có trong quy hoạch tổng thể đã được Chính phủ phê duyệt. Trường hợp chưa có trong quy hoạch tổng thể thì phải làm rõ sự cần thiết phải điều chỉnh bổ sung vào quy hoạch tổng thể;
2. Việc đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng trong và ngoài KCN, có tính đến các đầu nối kỹ thuật ngoài KCN, khu dân cư phục vụ công nhân, lao động làm việc tại KCN, các trường học, cơ sở khám và chữa bệnh phục vụ KCN;
3. Các giải pháp về: nguồn vốn, cấp điện, cấp thoát nước, giao thông, thông tin, môi trường, lao động để đảm bảo tính khả thi của KCN;
4. Ngành nghề sản xuất công nghiệp trong KCN;
5. Phương án vận động đầu tư vào KCN [1, Điều 4].

Tiếp đó, các Công ty phát triển hạ tầng vận động đầu tư vào KCN trên cơ sở quy hoạch phát triển chi tiết đã được duyệt; cho các doanh nghiệp KCN thuê hoặc bán nhà xưởng do Công ty phát triển hạ tầng KCN xây dựng trong KCN; và/hoặc kinh doanh các dịch vụ trong KCN phù hợp với quyết định chấp thuận đầu tư hoặc giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, điều lệ công ty. Như vậy, thực chất các Công ty phát triển hạ tầng xây dựng khung KCN, quy hoạch các lô đất vào những mục đích cụ thể cho các nhà máy, đường xá, hệ thống xử lý rác thải,...; từ đó thu hút các doanh nghiệp, công ty thuê lại đất lấp đầy KCN, thu lãi từ việc cho thuê đất và cơ sở hạ tầng.

Các doanh nghiệp, công ty trong và ngoài nước, tiếp nhận thông tin về đề án xây dựng các KCN từ các nguồn khác nhau nào đó, nhận thấy vị trí sản xuất thuận tiện, phù hợp và có tiềm năng họ sẽ thuê lại đất trong KCN theo quy định hiện hành đối với mỗi loại hình doanh nghiệp để xây dựng nhà xưởng và các công trình kiến trúc phục vụ sản xuất - kinh doanh; sử dụng có trả tiền các công trình kết cấu hạ tầng, các tiện nghi tiện ích công cộng, các dịch vụ trong KCN. Một KCN gọi là bắt đầu đi vào hoạt động khi các doanh nghiệp trong KCN đó bắt đầu hoạt động. Và mục tiêu trong quy hoạch, xây dựng các KCN đầu tiên phải là “lấp đầy”, tức thu hút đủ số doanh nghiệp như đã dự tính.

Do đó, ta có thể nhận thấy đây là mô hình quản lý kinh tế tập trung thuần túy về mặt địa lý. Trong quá trình KCN được xây dựng, vấn đề mà các nhà hoạch định quan tâm nhất là sử dụng đất như thế nào, xây dựng hạ tầng như thế nào, và bảo vệ môi trường trong các KCN như thế nào. Còn việc các loại hình sản xuất kinh doanh trong các KCN có liên quan đến nhau hay

không thì không quan trọng, đa ngành, đa nghề cũng được, miễn sao phù hợp với cơ cấu ngành công nghiệp của tỉnh, và đảm bảo về an toàn môi trường. Tuy nhiên, thông thường các công ty phát triển hạ tầng chỉ đáp ứng những hệ thống cơ sở vật chất chung như hệ thống thoát nước chung, còn các doanh nghiệp tùy theo đặc thù sản xuất của mình mà có những biện pháp xử lý môi trường riêng, nên việc xử lý môi trường trong các khu công nghiệp chưa được tiến hành đồng bộ với việc xây dựng các công trình sản xuất công nghiệp.

3.2. Mô hình khu công nghiệp bao gồm các ngành công nghiệp có liên quan

Vận dụng lý thuyết Cụm, ta có thể hình dung mô hình KCN bao gồm các ngành công nghiệp có liên quan được thể hiện qua các dạng:

- *Mô hình KCN chuyên ngành*: chỉ cho phép xây dựng một loại hình công nghiệp, việc xử lý toàn bộ chất thải sẽ do trạm xử lý tập trung của KCN giải quyết, giúp doanh nghiệp giảm chi phí đầu tư và dễ thực hiện các chương trình sản xuất sạch hay áp dụng công nghệ sạch;
- *Mô hình KCN sinh thái*: là mô hình mang tính cộng sinh công nghiệp theo một chủ đề môi trường nhất định: bao gồm các doanh nghiệp, tổ chức hỗ trợ và phụ thuộc lẫn nhau về khách hàng, các nhà cung cấp, các nhà sản xuất, hệ thống tài chính, thị trường, chính phủ và các tổ chức xã hội, các ngành công nghiệp được lựa chọn sao cho nhà máy này có thể tận dụng phế liệu của nhà máy kia làm nguyên liệu sản xuất cho mình. Với mô hình này, lượng chất thải trong KCN được giảm thiểu tối đa, đồng thời tăng khả năng tái sinh, sử dụng nguyên nhiên liệu và năng lượng;
- *Mô hình KCN phụ trợ*: Là loại mô hình mà trong đó có một nhà máy làm lõi, những nhà máy, công ty, dịch vụ khác sẽ sản xuất những yếu tố đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất của nhà máy “lõi”.

Mô hình KCN bao gồm những ngành công nghiệp có liên quan sẽ có những ưu điểm gì hơn mô hình hiện tại? Về cơ bản mô hình đề xuất vẫn mang đầy đủ những ưu điểm của mô hình KCN hiện tại, tạo ra lợi thế kinh tế nhờ quy mô và sự gần kề về địa lý, giúp giảm giá thành sản phẩm, tăng cường liên kết, chia sẻ thông tin và các nguồn lực khác. Không những vậy, sự lớn mạnh của các KCN liên kết ngành sẽ kéo theo sự gia tăng và phát triển của các doanh nghiệp trong ngành công nghiệp hỗ trợ, giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ có cơ hội tiếp cận với nguồn vốn đầu tư, thị trường đầu tư và dây chuyền công nghệ hiện đại, góp phần tạo mạng lưới sản xuất và hình thành chuỗi giá trị. Việc hình thành các mô hình KCN liên kết mới sẽ thúc đẩy quá trình sáng tạo cải tiến do (1) mức độ tập trung cao ở một khu vực

khiến các hoạt động học hỏi của các doanh nghiệp diễn ra nhanh hơn, (2) việc liên kết và trao đổi với các tổ chức nghiên cứu, trường đại học sẽ giúp doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận các thành tựu mới nhất của khoa học.

Kinh nghiệm phát triển các CCN của một số quốc gia đã và đang chứng minh cho những ưu điểm của mô hình này. Mô hình CCN ô tô Bắc Carolina đứng thứ 10 trên toàn nước Mỹ về số lượng việc làm, với khoảng 400 doanh nghiệp là các nhà sản xuất ô tô, ô tô tải, xe buýt, ô tô công trình và các thiết bị hạng nặng và hơn 600 doanh nghiệp còn lại cung cấp thiết bị, linh kiện, phụ kiện, nguyên vật liệu cho các nhà sản xuất ô tô. Hoạt động của hơn 1000 doanh nghiệp này có ảnh hưởng tích cực đến nền kinh tế Bắc Carolina [6, tr.31-37]. Ở Trung Quốc, CCN ô tô Quảng Châu thu hút được ba hãng lắp ráp lớn là Toyota, Honda và Nissan. Mô hình công nghiệp là tối ưu nếu một hãng lắp ráp được đặt gần với các doanh nghiệp hỗ trợ để có một hệ thống cung ứng kịp thời hoặc một hệ thống logistics hiệu quả. Nếu trước đây, các doanh nghiệp hỗ trợ cho Nissan nằm ở Hoa Đô, các doanh nghiệp hỗ trợ Toyota nằm ở Nam Sa và doanh nghiệp hỗ trợ cho Honda nằm ở Tăng Thành. Việc phát triển hệ thống giao thông và cơ sở hạ tầng khiến ba huyện này trở nên gần nhau hơn và giúp các doanh nghiệp hỗ trợ tách độc lập khỏi các hãng lắp ráp của bản thân mình trước đây. Các doanh nghiệp cung cấp của Toyota trở nên độc lập khỏi Toyota và cung cấp cả linh kiện cho Nissan, Honda, và ngược lại. Điều này đã làm cho Quảng Châu trở thành CCN ô tô rất hiệu quả của Trung Quốc [6, tr.31-37]. Ở KCN Kalundborg của Đan Mạch, một tập hợp các doanh nghiệp ứng dụng vào việc phát triển hệ thống trao đổi năng lượng và nguyên vật liệu đã đạt được nhiều kết quả trong việc giảm thiểu sử dụng tài nguyên thiên nhiên không thể tái tạo, giảm thiểu các tác động xấu tới môi trường, tăng lợi nhuận đầu tư. Hiện nay, ở Việt Nam một số KCN như Nomura (Hải Phòng), Vườn Công nghiệp Bourbon An Hòa (Tây Ninh) cũng đang được phát triển theo hướng đi của lý thuyết cụm.

3.3. Một số khuyến nghị

Từ quy trình thành lập KCN, thực trạng phát triển của các KCN hiện nay và đặc điểm của CCN, có thể đưa ra một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy sự hình thành của các KCN theo lý thuyết cụm như sau:

1. Các tác nhân tham gia vào quá trình xây dựng các KCN cần nhận thức đầy đủ về mục tiêu và vai trò của mình. Phía Chính phủ và chính quyền địa phương cần có định hướng chuyển đổi xây dựng những KCN theo hướng bao gồm những ngành nghề tương tự hoặc có liên quan như KCN sinh thái, KCN chuyên ngành, KCN phụ trợ dựa trên định hướng chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp của địa phương. Phía các công ty phát triển hạ tầng KCN cần có định hướng đầu tư rõ ràng hơn,

chuyên từ KCN thành lập mang tính tận dụng lao động, điều kiện tự nhiên để thu hút các nhà đầu tư với mục tiêu lấp đầy KCN thành những KCN mang tính sản xuất và chế biến chuyên môn hóa ngày càng cao, thực hiện sự liên kết toàn diện theo xu hướng thị trường mở, cụ thể là sự liên kết trong nội bộ KCN, liên kết giữa các KCN trên cùng một khu vực, và hình thành nhiều kiểu, loại KCN đa dạng;

2. Khi xây dựng mô hình KCN gồm các ngành công nghiệp có liên quan cần chú ý tính hiệu quả và phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ. Để bảo đảm KCN phát triển bền vững và có hiệu quả cần chuyển dịch cơ cấu nội bộ KCN theo những xu thế: (1) Chuyển từ KCN sản xuất sản phẩm sử dụng nhiều lao động, tài nguyên sang KCN sử dụng nhiều vốn và công nghệ kỹ thuật cao; (2) Chuyển từ KCN bao gồm ngành sản xuất gây ô nhiễm môi trường sang sản phẩm công nghiệp sạch; (3) Chuyển từ KCN sản xuất, kinh doanh đơn thuần sang KCN kết hợp sản xuất kinh doanh với nghiên cứu hoạt động khoa học công nghệ và triển khai kỹ thuật công nghệ cao;
3. Xác định đúng địa điểm KCN. Lịch sử hình thành và phát triển các KCN trên thế giới cũng như Việt Nam cho thấy các KCN thành công đều nằm ở vị trí thuận lợi nhất về địa lý - kinh tế, tiêu biểu như thung lũng Silicon (Mỹ), Khu công nghệ cao Hsinchu (Hàn Quốc). Đây là một điều gần như hiển nhiên, ai cũng biết, ai cũng thấy là đúng, tuy nhiên trong thực tế không phải lúc nào cũng dễ thực hiện, có những trường hợp địa điểm kém thuận lợi hơn về địa lý - kinh tế lại được chọn làm nơi xây dựng KCN bởi chịu sự chi phối của các yếu tố khác như chính trị, xã hội, chi phí đền bù...;
4. Xác định ngành định hướng cho KCN phù hợp với định hướng phát triển của địa phương và nhu cầu thực tế. Lựa chọn ngành công nghiệp để phát triển trong KCN cần phải chú ý: (1) Lựa chọn ngành công nghiệp ưu tiên phát triển nhanh hơn, với mức đầu tư tập trung hơn, tạo tiền đề thúc đẩy các ngành công nghiệp khác; (2) Khi lựa chọn mô hình KCN cần phải căn cứ vào nhu cầu của thị trường, và nhà đầu tư sẽ vào KCN là chính, chứ không phải áp đặt theo ý muốn chủ quan của người “làm ra KCN” là công ty xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN;
5. Chính phủ trung ương và địa phương cần có chính sách khuyến khích thu hút đầu tư nước ngoài cũng như các nhà đầu tư trong nước vào các KCN một cách công khai, minh bạch. Đặc biệt cần có các thông tin chi tiết về ngành nghề, năng lực kinh doanh của các doanh nghiệp và các định hướng khuyến khích đầu tư nhằm phát triển liên kết giữa các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp trong

nước. Công ty phát triển hạ tầng kết hợp với các cơ quan Nhà nước thực hiện các chương trình giới thiệu, đưa thông tin về KCN đang quy hoạch tới các nhà đầu tư; để các nhà đầu tư trong cùng lĩnh vực với lĩnh vực định phát triển trong KCN nắm rõ thông tin./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị định số 36/CP ngày 24/4/1997 về ban hành Quy chế khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.
2. Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 Quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.
3. Đặng Văn Thắng. (2006) *Phát triển khu công nghiệp theo mô hình khu liên hợp*. <http://tapchicongnghe.vn/News/channel/1/News/98/3939/Chitiet.html>
4. Ngô Thắng Lợi và cộng sự. (2007) *Vấn đề phát triển bền vững các khu công nghiệp ở Việt Nam*. Tạp chí Khu Công nghiệp Việt Nam, Số 2/2007, tr.26-28.
5. Lê Thế Giới. (2009) *Tiếp cận lý thuyết cụm công nghiệp và hệ sinh thái kinh doanh trong nghiên cứu chính sách thúc đẩy các ngành công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng, Số 1(30)/2009, tr.117-127.
6. Từ Thúy Anh. (2010) *Phát triển lý thuyết cụm công nghiệp hỗ trợ chuyên ngành: lý thuyết và thực tiễn*. Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, Số 383, tr.31-37.
7. Porter, M.E. (1990) *The Competitive Advantage of Nations*. New York: Free Press.
8. Sforzi, F. (1992) *The Quantitative Importance of Marshallian Industrial Districts in the Italian Economy*. In Pyke et al, International Labor Organization, Geneva, p.75-107.
9. Enright, M.J. (1992) *Why Local Clusters are the Way to Win the Game*. World Link, 5, July/August, p.24-25.
10. Doeringer, P. and D. Terkla. (1995) *Why Do Industries Cluster?* In Staber et al. (1996), p.175-189.
11. Moore, J.F. (1996) *The Death of Competition: Leadership and Strategy in the Age of Business Ecosystems*. New York, Harper Business, 297p
12. Britton J.N.H. (2003) *Network structure of an industrial cluster: electronics in Toronto*. Environment and Planning A, 35(6), p.983-1006.
13. Kuchiki Akifumi. (2007) *The Flowchart Model of Cluster Policy: The Automobile Industry Cluster in China*. The Institute of Development Economics (IDE), JETRO.